TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Trâm – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-DS ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền là chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1981. (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1976. (có mặt)

Chị **Cao Bích T**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và đại diện ủy quyền của ông C là chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 28/5/2016 anh C và vợ chồng anh Th, chị T có thỏa thuận bằng miệng làm rào cổng nhà, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa, anh C là người nhận thi công còn bên anh Th và chị T là người giao khoán. Hai bên thỏa thuận tổng số tiền công và vật tư đến hoàn công là 11.700.000đ. Sau khi anh C thi công xong đến nay mà anh Th và chị T vẫn chưa thanh toán cho anh C số tiên trên, anh C đã đến nhà anh Th, chị T gặp và yêu cầu trả số tiền trên nhiều lần nhưng anh

Th và chị T cứ đùn đẩy trách nhiệm cho nhau không ai trả số tiền trên cho anh C, anh Th còn thách anh C đi thưa.

Anh C có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền cho nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L có ý kiến: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Th, bà Cao Bích T có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn C số tiền thi công xây dựng hàng rào cổng, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa là 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), anh C không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh Th xác nhận vào khoảng tháng 5/2016 anh có thỏa thuận bằng miệng với anh C về việc anh C thay cửa sổ, sửa phòng nhôm và cửa lùa, làm cổng rào với số tiền là khoảng 8.000.000đ, nhưng anh Th có nghe anh C nói là làm hết 11.700.000 đồng, tại thời điểm anh C làm những việc nêu trên thì anh và chị T còn sống chung với nhau chưa ra Tòa ly hôn. Anh Th và chị T ly hôn với nhau vào khoảng năm 2017, khi ra Tòa ly hôn thì anh Th và chị T có kê khai số nợ là khoảng 3 tỷ đồng nhưng vợ chồng anh không kê khai số nợ của anh C cho Tòa án biết nên Tòa án không mời anh C lên giải quyết.

Anh Th xác nhận sau khi ly hôn thì anh Th đã giao toàn bộ tài sản chung cho chị T và chị T đồng ý trả số tiền trên cho anh C nên anh Th không có liên quan đến số tiền nêu trên nữa. Việc anh Th và chị T thỏa thuận trả nợ cho anh C là anh Th chỉ nói bằng lời nói không có làm văn bản.

Tại phiên tòa hôm nay anh Th có ý kiến như sau: Anh Th yêu cầu Tòa xử buộc chị T có nghĩa vụ trả số nợ trên cho anh C vì bản thân anh đã giao toàn bộ số tài sản chung cho chị T được toàn quyền sử dụng và sở hữu nên chị T phải có nghĩa vụ trả số nợ trên. Anh Th xác nhận số tiền làm cổng rào, các cửa sổ chỉ có trị giá là khoảng 8.000.000đ, còn số tiền phát sinh thêm là do chị T tự kêu anh C làm thêm, do đó anh không chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Cao Bích T trình bày:

Chị T vào khoảng tháng 5/2016 anh Nguyễn Văn Th có kêu anh Nguyễn Văn C làm cổng rào nhà, việc thỏa thuận tiền thi công bao nhiêu thì chị T không hay biết và cũng không nghe anh Th nói lại là hết bao nhiêu tiền, sau đó anh C thi công làm hàng rào cho gia đình chị T . Chị T xác nhận vào thời điểm anh C thi công hàng rào cho gia đình chị thì anh Th và chị T chưa ly hôn với nhau. Sau khi anh C thi công xong thì chị T cũng không nghe anh C đòi tiền thi công hàng rào vì nhà anh C gần nhà chị T . Đến năm 2017 chị và anh Th ra Tòa ly hôn với nhau, việc anh chị ly hôn mọi người trong xóm đều biết và vợ chồng anh C cũng biết cũng không qua đòi tiền chị T . Sau khi ly hôn được hai năm thì vợ anh C qua nhà chị T đòi tiền thi công hàng rào nhưng tôi không đồng ý và chị kêu vợ chồng anh C gặp anh Th để giải quyết

Nay anh C kiện chị T đòi tiền thi công hàng rào thì chị T không đồng ý và yêu cầu anh C và anh Th tự giải quyết với nhau vì chị T không có liên quan đến

việc thi công hàng rào trên.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát huyện C , Kiên Giang phát biểu quan điểm về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện VKS yêu cầu HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Th và chị T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền thi công xây dựng là 11.700.000đ cho anh C là phù hợp với quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Cao Bích T được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C yêu cầu chị Cao Bích T và anh Nguyễn Văn Th thanh toán số tiền làm hàng rào cổng, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa là 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn C đã thực hiện việc làm hàng rào cổng, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa với tổng số tiền trên là theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn Th, hai bên không có ký kết hợp đồng thi công và chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng, số tiền thi công vợ chồng chị T và anh Th chưa thanh toán dứt điểm cho anh C nên anh C yêu cầu chị T và anh Th thanh toán số tiền trên cho anh C và không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy giao dịch dân sự giữa anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn Th, chị Cao Bích T là hoàn toàn hợp pháp bởi các bên đương sự tự nguyện tham gia giao dịch, mục đích và nội dung của giao dịch không trái pháp luật. Mặc dù hai bên không ký kết hợp đồng với nhau nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Th và chị T đều xác nhận vào khoảng tháng 5/2016 anh C có thực hiện việc làm hàng rào cổng, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa cho anh Th và chị T. Theo ý kiến của chị T thì chị cho rằng việc thi công nêu trên anh C thi công với bao nhiêu tiền thì chị không hay biết, mà do anh Th tự kêu và thỏa thuận với anh C, tại phiên tòa hôm nay anh Th chỉ thừa nhận số tiền thi công là khoảng 8.000.000 đồng còn số tiền phát sinh thêm là 3.700.000 đồng thì anh xác nhận là chị T có hợp đồng với anh C làm thêm, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Th đã thừa nhận tổng số tiền anh C thi công là 11.700.000 đồng được thể hiện theo biên bản thỏa thuận ngày 06/5/2019 tại UBND xã B và theo biên bản đối chất ngày 22/5/2019 của Tòa án. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Th cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh việc anh chỉ yêu cầu anh C thi công với số tiền là khoảng 8.000.000 đồng. Mặt khác trong quá trình thi công thì phía anh C đã thực hiện đầy đủ và đáp ứng yêu cầu của anh Th, chị T. Tại phiên tòa anh Thôi cũng không có ý kiến gì đối với việc thi công hàng rào, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa của anh C nên anh Th, chị T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh C số tiền 11.700.000 đồng nhưng do bị đơn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho anh C nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C, buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Cao Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho anh C số tiền 11.700.000 đồng là phù hợp. Do anh Th và chị T đã ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 191/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Kiên Giang nên cần xử buộc anh Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn C ½ số tiền nêu trên là 5.850.000 đồng. Chị Cao Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn C ½ số tiền nêu trên là 5.850.000 đồng là phù hợp.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của anh C không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu của chị T và anh Th: Anh Th và chị T đều xác nhận thời điểm anh C thi công hàng rào, thay kiếng cửa sổ, cửa phòng nhôm và cửa lùa cho anh chị thì vợ chồng anh Th và chị T chưa ly hôn với nhau, nhưng hiện tại anh chị đã ly hôn và anh Th xác định đã giao tài sản chung cho chị T quản lý nên chị T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho anh C. Chị T thì cho rằng việc thi công nêu trên là do anh Th tự kêu và thỏa thuận với anh C nên chị không biết và không đồng ý thanh toán số tiền trên cho anh C.

Hội đồng xét xử nhận định thời điểm anh C thi công thì vợ chồng chị T, anh Th chưa ly hôn với nhau, sự việc trên cũng được chị T và anh Th xác nhận là thật, do đó mọi giao dịch dân sự của anh Th, chị T làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của anh C thì anh chị đều phải có nghĩa vụ về số nợ trên đối với anh C, vì trong thời gian hợp đồng thi công anh Th và chị T chưa chấm dứt quan hệ hôn nhân với nhau, hơn nữa việc thỏa thuận của anh Th với chị T cho rằng số nợ trên là giao cho chị T có nghĩa vụ trả và chị T cho rằng anh C thỏa thuận với anh Th thì anh Th có nghĩa vụ trả nợ cho anh C là không có căn cứ, bởi vì anh Th và chị T không chứng minh được việc thỏa thuận ai trả số nợ trên cho anh C. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Th, chị T là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của anh C, nên cần buộc anh Th và chị T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 11.700.000 đồng cho anh C là phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu của anh C được chấp nhận nên anh C không phải chịu án phí sơ thẩm .

Anh Nguyễn Văn Th và chị Cao Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.700.000 đồng x 5% = 585.000 đồng : 2 = 292.500 đồng. Mỗi người phải nộp tiền án phí như sau: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền án phí là 292.500 đồng, chị Cao Bích T phải nộp số tiền án phí là 292.500 đồng.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 1, Điều 147, khoản 1, Điều 228 Điều 264, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 121 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C.

2. Buộc anh Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 5.850.000 đồng (Năm triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng). Chị Cao Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 5.850.000 đồng (Năm triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 292.500 đồng.

Chị Cao Bích T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 292.500 đồng.

Anh Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 0009549 đề ngày 27/02/2019.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA Dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Văn Thậm